

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 4 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Hải;

2. Ông Lê Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017, về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn C, sinh năm: 1973; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 3, khóm 3, thị trấn C, huyện TB, tỉnh An Giang;

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm: 1976; địa chỉ nơi cư trú: Ấp Phú Cường, xã A, huyện TB, tỉnh An Giang.

Anh Huỳnh Văn C, chị Trần Thị N cùng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Huỳnh Văn C trình bày: Anh C và chị N làm đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 12 năm 1996 âl, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, chị N đã bỏ nhà đi hơn 03 năm nay không về. Do đó, anh C yêu cầu ly hôn với chị N.

Trong thời gian chung sống, anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị Nkhông có con chung, tài sản chung, cũng như nợ chung.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 13/11/2017, cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị Ntrình bày: Chị N với anh C được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào tháng 12/1996, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị N và anh C sống chung với nhau được 20 năm, tuy không có con chung nhưng vợ chồng vẫn hạnh phúc. Về sau, anh C thường xuyên ăn nhậu, chị N khuyên không nghe nên vợ chồng có cự cãi qua lại nhiều lần nên chị N đã về nhà mẹ ruột sinh sống. Chị N và anh C đã ly thân hơn 03 năm nay. Do còn thương chồng nên chị N không đồng ý ly hôn với anh C.

Trong thời gian chung sống chị N và anh C không có con chung và nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Hội đồng xét xử: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật gồm một thẩm phán, hai Hội thẩm nhân dân;

+ Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Nhận thấy anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị Nsống chung với nhau từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị Nlà vợ chồng.

+ Về con chung, nợ chung: Anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị Nđồng thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị Nthống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Huỳnh Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị N. Đồng thời, chị Trần Thị N cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên. Xét đây là

tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị Nùng thống nhất chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Từ căn cứ trên, tuyên bố không công nhận anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị N là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị Nùng thống nhất không có. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về án phí, anh Huỳnh Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Trần Thị N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị N là vợ chồng.

Về án phí: Anh Huỳnh Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng mà anh C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên theo biên lai thu số TU/2015/0015862 ngày 03 tháng 10 năm 2017 thành án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Trần Thị N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân H. Tịnh Biên (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Tòng